

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/DS-ST

Ngày 31/7/2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay và thế chấp tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lê Tiến Dũng**.

2- Bà **Phạm Thị Lan**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đen**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Ông **Trần Ngọc Nhiều**. Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 14/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay và thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1956 và bà **Thái Lộc H**, sinh năm 1958. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp XL, xã TY A, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn M: Ông **Mai Tấn T**. Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Hồ Văn K**, sinh năm 1976. *(Vắng mặt)*

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Dương Ngọc C**, sinh năm 1978. *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp CA, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2022 của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Thái Lộc H và những lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 28/02/2022 âm lịch, vợ chồng ông, bà cho ông Hồ Văn K mượn số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), ông K hứa một tháng trả lại tiền. Đến ngày 11/3/2022 âm lịch, vợ chồng ông, bà tiếp tục cho ông K mượn thêm số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), ông K hứa một tuần trả nhưng khi đến hẹn ông K không trả số tiền trên cho ông, bà. Ông M nhiều lần đến nhà yêu cầu ông K trả tiền thì ông K nói là chưa có tiền nên thế chấp cho ông, bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng cấp cho vợ ông K là bà Dương Ngọc C để làm bằng.

Sau đó, ông K cũng không chịu trả tiền cho vợ chồng ông, bà nên ông bà có làm Đơn yêu cầu gửi đến Ban lãnh đạo CN để yêu cầu giải quyết. Tại các lần hòa giải của Ban lãnh đạo ấp CN ông K đều cam kết sẽ trả lại số tiền nợ đã mượn của vợ chồng ông bà nhưng sau đó cũng không thực hiện.

Nay ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Văn K trả lại cho ông, bà số tiền đã mượn là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Bị đơn ông Hồ Văn K được Tòa án thông báo và triệu tập tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 4 năm 2023 Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Ngọc C trình bày và yêu cầu như sau:

Đối với việc ông Hồ Văn K là chồng của bà có thỏa thuận hỏi vay tiền của vợ chồng ông M, bà H như thế nào thì bà không biết vì bà và chồng bà làm ăn riêng mấy năm nay rồi. Khi ông K chồng bà lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên thế chấp cho vợ chồng ông M, bà H thì bà không hay, sau đó thì bà mới biết và khi hòa giải ở ấp thì bà có đến tham gia và có yêu cầu ông M, bà H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà.

Bà yêu cầu vợ chồng ông M, bà H phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà còn đối với số tiền ông K vay của vợ chồng ông M, bà H thì ông K tự có trách nhiệm trả.

Tại phiên tòa: Vợ chồng ông M, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Văn K trả cho ông, bà số tiền vay là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), số tiền vay

này ông bà trực tiếp giao dịch với ông Hồ Văn K, bà Dương Ngọc C vợ ông K không biết và cũng không có tham gia giao dịch nên ông, bà chỉ yêu cầu ông Hồ Văn K là người có trách nhiệm trả tiền nợ này. Ông, bà đồng ý hoàn trả lại cho bà Dương Ngọc C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông K đã thế chấp cho ông, bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn M đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc ông Hồ Văn K trả cho vợ chồng Ông M, bà H số tiền vay là 80.000.000đ và ghi nhận ý kiến của Ông M, bà H đồng ý trả lại cho bà Dương Ngọc C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông K đã thế chấp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, HĐXX và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc ông Hồ Văn K trả cho vợ chồng ông M, bà H số tiền vay là 80.000.000đ và ghi nhận ý kiến của ông M, bà H đồng ý trả lại cho bà Dương Ngọc C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông K đã thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Thái Lộc H đối với ông Hồ Văn K là tranh chấp hợp đồng vay và thế chấp tài sản, cụ thể là vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao dịch được xác lập vào năm 2022 nên quan hệ tranh chấp trên được điều chỉnh theo quy định tại các Điều 317, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hồ Văn K và người có liên quan bà Dương Ngọc C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228, Hội đồng

xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung vụ án: Vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Thái Lộc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Văn K trả cho ông, bà số tiền nợ là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Xét thấy, mặc dù bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, cụ thể tại các biên bản hòa giải ngày 17/6/2022 và ngày 08/8/2022 của Ban lãnh đạo ấp CN đã hòa giải nội dung yêu cầu của vợ chồng ông M, bà H với ông Hồ Văn K về số tiền nợ vay 80.000.000đ thì ông Hồ Văn K thừa nhận và đã thống nhất thỏa thuận với ông M về thời gian thanh toán là mỗi tháng trả 20.000.000đ, thời gian trả lần đầu từ ngày 17/7/2022 cho đến khi trả nợ xong nhưng do ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên từ đó vợ chồng ông M, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định được ông Hồ Văn K còn nợ vợ chồng ông M, bà H số tiền vay là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và hẹn sẽ thanh toán nhưng ông K không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian trả nợ. Vì vậy, vợ chồng ông M, bà H khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn K trả số tiền nợ 80.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ, vợ chồng ông M, bà H xác định việc giao dịch cho vay tiền thì chỉ có ông K tham gia thực hiện nên yêu cầu ông K là người có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu bà Dương Ngọc C phải cùng có trách nhiệm trả số nợ này.

Từ nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc ông Hồ Văn K có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Thái Lộc H số tiền nợ là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Ghi nhận ý kiến của vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Thái Lộc H đồng ý trả lại cho bà Dương Ngọc C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BA 096350 do Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng cấp 26/10/2011 ghi tên người sử dụng đất là bà Dương Ngọc C

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Hồ Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $80.000.000đ \times 5\% = 4.000.000đ$ (Bốn triệu đồng)

Vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Thái Lộc H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0005805 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 317, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 94, 147, điểm b Điều 227, khoản 2,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Thái Lộc H với ông Hồ Văn K về tranh chấp hợp đồng vay và thế chấp tài sản.

2. Buộc ông Hồ Văn K trả vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Thái Lộc H số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ghi nhận ý kiến của vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Thái Lộc H đồng ý trả lại cho bà Dương Ngọc C bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BA 096350 do Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng cấp ngày 26/10/2011 ghi tên người sử dụng đất là bà Dương Ngọc C.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Hồ Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $80.000.000đ \times 5\% = 4.000.000đ$ (Bốn triệu đồng)

Vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Thái Lộc H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0005805 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, đại diện nguyên đơn có mặt, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/7/2023). Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi

hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện cùng cấp;
- THADS huyện cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh